**LÍ LỊCH KHOA HỌC**

***(Dùng cho cán bộ tham gia đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội)***

I. LÍ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: NGUYỄN THỊ NHƯ TRANG Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 07/08/1979 Nơi sinh: Hà Nội

Quê quán: Thanh Hóa Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ Năm, nước nhận học vị: 2013, Singapore

Chức danh khoa học cao nhất: PGS Năm bổ nhiệm: 2018

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Phó Trưởng Khoa Xã hội học

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Xã hội học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-Hà Nội

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

Điện thoại liên hệ: CQ: NR: DĐ: 0912317622

Fax: Email: maiphivn@yahoo.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Đại học:**

Hệ đào tạo: Chính quy tập trung

Nơi đào tạo: Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-Hà Nội

Ngành học: Xã hội học

Nước đào tạo: Việt Nam Năm tốt nghiệp: 2001

Bằng đại học 2: Năm tốt nghiệp:

1. **Sau đại học**
* Thạc sĩ chuyên ngành: Xã hội học Năm cấp bằng: 2004

Nơi đào tạo: ĐH Essex, vương quốc Anh.

* Tiến sĩ chuyên ngành: Xã hội học Năm cấp bằng: 2013

Nơi đào tạo: ĐH Quốc gia Singapore, Singapore

* Tên luận án: School violence in Hanoi, Vietnam

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3. Ngoại ngữ:** | 1. Tiếng Anh2. | Mức độ sử dụng: TốtMức độ sử dụng: |

**III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nơi công tác** | **Công việc đảm nhiệm** |
| 1/2002 – nay | Khoa Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV | Giảng viên |

**IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đề tài nghiên cứu** | **Năm bắt đầu/Năm hoàn thành** | **Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)** | **Trách nhiệm tham gia trong đề tài** |
|  | Giải pháp tăng cường sự gắn kết học tập của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội trong bối cảnh hiện nay | 2021-2023 | ĐH Quốc Gia Hà Nội | Chủ nhiệm đề tài |
|  | Ứng xử bạo lực với bạn bè ở học sinh phổ thông trung học tại Hà Nội: Thực trạng và các giải pháp can thiệp tại trường học  | 2014-2016 | ĐH Quốc Gia Hà Nội | Chủ nhiệm đề tài |
|  | Định hướng nghề nghiệp – việc làm của sinh viên ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn | 2005-2006 | ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn | Chủ nhiệm đề tài |
|  | COVID-19 Victims of HumanTrafficking are Resilient’ – Evaluation research  | 2022 | Hagar International | Chuyên gia  |
|  | Đánh giá tình hình triển khai dịch vụ Công tác Xã hội và Tham vấn học đường tại các cơ sở giáo dục hiện nay (Chuyên gia) | 2022 | Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Good Neighbors International | Chuyên gia |
|  | Youth Innovation Competition on Lancang-Mekong Region’s Governance and Development (Chuyên gia) | 2020-2021 | China-ASEAN Education Exchange | Chủ nhiệm đề tài |
|  | Thúc đẩy tiếp cận giáo dục và chăm sóc y tế đối với trẻ em gái, trẻ em khuyết tật  | 2018-2021 | Hội Liên hiệp về Người Khuyết tật Việt Nam | Chuyên gia tư vấn |
|  | Harnessing Fintech Skills of Women-led MSMEs for Promoting Inclusive Growth  | 2020 | Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC Vietnam) | Chuyên gia tư vấn |
|  | Strengthening Innovative Skill Training and Education for Increasing Workers’ Inclusion in the Digital Age (Chuyên gia tư vấn) | 2019 | Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC Vietnam) | Chuyên gia tư vấn |
|  | Tính tôn giáo và người công giáo nhập cư (thành viên) | 2018-2020 | Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia | Thành viên chủ chốt |
|  | Formal and informal care for the elderly in Southeast Asia  | 2015-2020 | Quỹ Hòa bình Sasakawa | Thành viên chủ chốt |
|  | Tội phạm vị thành niên: thực trạng và các giải pháp can thiệp, phòng ngừa (Thành viên) | 2014-2016 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Thành viên chủ chốt |
|  | Vốn xã hội đối với quá trình phát triển sự nghiệp của cán bộ trẻ tại Việt nam trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng đất nước (Thành viên) | 2012-2015 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Thành viên chủ chốt |
|  | Gender empowerment in social policy implementation: the case of Vietnam and Myanmmar (Thành viên chủ chốt) | 2013-2015 | Viện Phụ nữ và Phát triển Hàn quốc (KWDI) | Thành viên chủ chốt |
|  | Đánh giá việc thực hiện, triển khai các chính sách xã hội tại Việt nam trong thời kỳ Đổi mới (Thành viên) | 2011-2014 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Thành viên chủ chốt |
|  | Developing Courses on Gender and Women Issues at tertiary level in Southeast Asia (Thành viên chủ chốt) | 2012-2013 | Viện Phụ nữ và Phát triển Hàn quốc (KWDI) | Thành viên chủ chốt |
|  | Globalizing Universities and International Student Mobility in East Asia (Điều tra viên) | 2011-2013 | ĐH Quốc gia Singapore | Điều tra viên |

1. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên công trình** | **Năm công bố** | **Tên tạp chí** | **Tác giả chính/****đồng tác giả** | **Tạp chí danh mục ISI/Scopus/khác** |
|  | Effort–reward ratio, over-commitment and burnout: a cross-sectional study among Vietnamese healthcare professionals | 2022 | Cogent Psychology | Đồng tác giả | ISI/Scopus |
|  | Reassessing the most popularly suggested measurement models and measurement invariance of the Maslach Burnout Inventory - Human Service Survey among Vietnamese healthcare professionals | 2022 | Health Psychology and Behavioral Medicine | Đồng tác giả | ISI/Scopus |
|  | Applying Matrix model in supporting Methadone clients: some evidences from ATS users | 2021 | International Conference on Innovations in the Social Sciences & Humanities | Tác giả chính | Khác |
|  | Hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ em gái khuyết tật: Tổng quan mô hình lý luận và các chính sách tại Việt Nam hiện nay. | 2021 | Nghiên cứu Chính sách và Quản lý | Tác giả chính | Khác |
|  | The mediating role of self-compassion between proactive coping and perceived stress among students. | 2021 | Science Progress | Tác giả chính | ISI/Scopus |
|  | Vị thế nghề nghiệp và sự căng thẳng trong công việc của bác sĩ – một số phân tích từ góc độ giới | 2021 | Tâm lý học | Đồng tác giả | Khác |
|  | Improving employees’ proactive behaviors at workplace: the role of organizational socialization tactics and work engagement | 2020 | Journal of human behavior in the social environment | Đồng tác giả | ISI/Scopus |
|  | Well-being at work and its association with work-home interactions: a study of young Vietnamese employees | 2020 | Health Psychology Report  | Đồng tác giả | ISI/Scopus |
|  | Các chính sách hỗ trợ giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số: Đưa được học sinh đến trường vẫn là chưa đủ (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Lai Châu) | 2020 | Tạp chí Nghiên cứu Con người | Tác giả chính | Khác |
|  | Consumption, the self, the society and technology – A study of youth in Hanoi city (Vietnam) 30 years after economic renovation | 2019 | International Journal of Economics, Commerce and Management | Đồng tác giả | Khác |
|  | Việc sử dụng bạo lực của học sinh phổ thông trung học tại Hà Nội | 2017 | Tâm lý học Xã hội | Tác giả chính | Khác |
|  | Lý thuyết và ứng dụng lý thuyết trong nghiên cứu công tác xã hội | 2017 | Xã hội học | Đồng tác giả | Khác |
|  | Tôn trọng khách hàng trong hoạt động trợ giúp tâm lý | 2017 | Tâm lý học | Đồng tác giả | Khác |
|  | Giám sát trong thực hành trợ giúp tâm lý | 2017 | Tâm lý học xã hội | Đồng tác giả | Khác |
|  | Bảo mật thông tin khách hàng trong trợ giúp tâm lý | 2017 | Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn | Đồng tác giả | Khác |
| **Xác nhận của****cơ quan chủ quản** | Hà Nội, ngày tháng năm 2022**Người khai kí tên****PGS.TS Nguyễn Thị Như Trang** |